

Số: /BNNMT-PC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v cung cấp thông tin về VBQPPL của Chính phủ
và Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng
6/2026 do Bộ NNMT chủ trì soạn thảo

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Thông cáo báo chí như sau:

I. VĂN BẢN I

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định số 204/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026

Nghị định này thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

Nghị định này bãi bỏ: (i) Điều 2 Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y. (ii) Điều 3 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết ban hành

3.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

b) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 2 cấp...”. Đồng thời yêu cầu: “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn”.

c) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó yêu cầu: “Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”...”.

d) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

đ) Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII (Kết luận số 121-KL/TW) đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: “Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”; “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền” và “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 (Kết luận số 126-KL/TW), Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Kết luận số 127-

KL/TW) và Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả (Kết luận số 134-KL/TW), Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã yêu cầu: “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước” và giao “Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả”.

e) Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, trong đó có nội dung: “Về hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính: bảo đảm hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đề xuất phương án xử lý phù hợp, khắc phục ngay những vướng mắc, bất cập;... bảo đảm tinh gọn về quy trình, cắt giảm mọi thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, chuẩn hóa, số hóa hồ sơ, dễ làm, dễ kiểm tra, dễ giám sát”

g) Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân “Hoàn thiện đồng bộ thể chế và triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong giai đoạn 2026- 2030.

Tập trung hoàn thiện, ban hành các Luật về Phòng bệnh, An toàn thực phẩm..., bảo đảm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống,... chất lượng thuốc, thực phẩm,...”.

h) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025. Trong đó, Điều 37a quy định các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều 37a.

i) Theo Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025, hệ thống cơ quan thanh tra được phân thành 02 cấp là Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh, thành phố (gọi chung là Thanh tra tỉnh). So với Luật Thanh tra năm 2022, hệ thống cơ quan thanh tra không còn Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ; Thanh tra Tổng cục, Cục; Thanh tra sở; Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

k) Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, trong đó có sửa đổi, bổ sung Luật Thú y, đã được Quốc hội thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026; ngày 21/01/2026, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 32/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, có hiệu lực kể từ ngày 21/01/2026.

l) Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thời gian trình Chính phủ quý I năm 2026.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (sau đây gọi là Nghị định số 90/2017/NĐ-CP), qua đó, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục, không bị gián đoạn, không ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Sau 08 năm triển khai thi hành, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đã tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, bảo đảm hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, thực tiễn việc sắp xếp tổ chức bộ máy, chuyển giao nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và một số hệ thống cơ quan, đơn vị đã tác động trực tiếp đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh. Việc quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh tại Nghị định số 90/2017/NĐ-CP không còn phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành, ảnh hưởng đến tính kịp thời trong xử phạt vi phạm hành chính.

Bên cạnh đó, một số văn bản quy phạm pháp luật về thú y đã bãi bỏ Giấy chứng nhận vệ sinh thú y, do đó cần thiết phải bãi bỏ hành vi vi phạm đối với Giấy chứng nhận vệ sinh thú y quy định tại Điều 27 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP.

Mặt khác, thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính cho thấy một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực thú y đang thiếu biện pháp khắc phục hậu quả, chẳng hạn: theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm động vật

nhằm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 là: Buộc tái xuất hoặc xử lý nhiệt chuyên đổi mục đích sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sản phẩm vi phạm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vi phạm không thể thực hiện các biện pháp khắc phục này và xin được tiêu hủy lô hàng nhưng cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ pháp luật để cho phép doanh nghiệp thay đổi biện pháp khắc phục hậu quả tiêu hủy lô hàng vi phạm. Do đó, hàng hóa vi phạm sau khi bị xử phạt vẫn chưa thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 đã được sửa đổi, bổ sung 02 lần (tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022), vì vậy, việc xây dựng nghị định thay thế sẽ đảm bảo cho quá trình áp dụng pháp luật được dễ dàng, thuận lợi.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) là cần thiết.

3.2. Mục đích ban hành

a) Quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y của các chức danh phù hợp với các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Qua đó, bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn.

b) Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng hoạt động của lực lượng thực thi công vụ.

c) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực thú y.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

- Nghị định quy định về các hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức tiền phạt cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm

hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y.

- Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại Nghị định bao gồm: Vi phạm quy định về phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật; Vi phạm quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Vi phạm quy định về kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; Vi phạm quy định về quản lý thuốc thú y; Vi phạm quy định về hành nghề thú y.

- Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực thú y không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

b) Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực thú y trên lãnh thổ Việt Nam.

- Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

- Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm: Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã; Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư; Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Đơn vị sự nghiệp công lập; Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

4.2. Bộ cục của Nghị định

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP gồm 04 chương và 55 điều. Nghị định gồm 04 Chương và 52 điều, trong đó: giữ nguyên 01 điều, bãi bỏ 01 điều, gộp 03 điều và sửa đổi, bổ sung, thay thế 50 điều.

Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP (gồm 04 chương và 52) thay thế, giảm 03 điều so với Nghị định số 90/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Chương I (gồm 05 Điều, từ Điều 1 đến Điều 5): bao gồm các quy định chung
 - + Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
 - + Điều 2: Đối tượng áp dụng

+ Điều 3: Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

+ Điều 4: Thời hiệu xử phạt

+ Điều 5: Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền

- Chương II (gồm 35 Điều, từ Điều 6 đến Điều 40): Hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Mục 1: Vi phạm về phòng, chống dịch bệnh động vật (từ Điều 6 đến Điều 10);

+ Mục 2: Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (từ Điều 11 đến Điều 21);

+ Mục 3: Vi phạm về kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y (từ Điều 22 đến Điều 25);

+ Mục 4: Vi phạm về quản lý thuốc thú y (từ Điều 26 đến Điều 38);

+ Mục 5: Vi phạm về hành nghề thú y (từ Điều 39 đến Điều 40).

- Chương III (gồm 09 Điều, từ Điều 41 đến Điều 49): Thẩm quyền xử phạt vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính.

- Chương IV (gồm 03 Điều, từ Điều 50 đến Điều 52): Điều khoản thi hành.

4.3. Nội dung cơ bản của Nghị định

a) Về nội dung sửa đổi, hoàn thiện:

Các nhóm hành vi quy định trong đảm bảo nguyên tắc kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định hành vi mới phát sinh từ hoạt động quản lý và các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp để đảm bảo tính hiệu quả trong xử lý vi phạm, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 để phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Sửa đổi khoản 1, 2 và đoạn mở đầu khoản 3 Điều 2 để đảm bảo quy định rõ ràng và phù hợp với khoản 1 Điều 1 Nghị định.

- Bổ sung hành vi “*không có đơn thuốc đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định*” tại điểm a khoản 2 Điều 6 và điểm c khoản 1 Điều 32, “*niêm yết không đầy đủ mặt hàng thuốc thú y; bán không đúng giá niêm yết*” tại điểm b khoản 1 Điều 32, “*Không thực hiện kê đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định*” tại điểm đ khoản 2 Điều 40 để đảm bảo phù hợp với quy định về kê

đơn thuốc tại Điều 104 Luật Thú y và Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020.

- Bổ sung hành vi “*Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật quá thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch*” tại điểm e khoản 2 Điều 12 do trong Giấy CNKD có ngày cấp và ngày có giá trị của Giấy CNKD. Mặt khác, hành vi này phát sinh nhiều trong thực tiễn nhưng chưa có chế tài xử lý.

- Bổ sung hành vi: “*Nhập khẩu sản phẩm động vật có nơi đến ghi trên bao bì sản phẩm không phải là Việt Nam*” tại điểm đ khoản 3 Điều 16 để phù hợp với quy định về kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật tại điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Thú y; điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT.

- Bổ sung hành vi “*dương tính với đối tượng kiểm dịch*” vào điểm a khoản 7 Điều 16 vì trong quá trình lấy mẫu kiểm dịch theo quy định tại Phụ lục XII của Thông tư 01/2026/TT-BNNMT và Phụ lục IV của Thông tư 03/2026/TT-BNNMT, các bệnh liên quan đến đối tượng kiểm dịch của sản phẩm động vật phải kiểm tra, xét nghiệm tác nhân gây bệnh (vi rút) chủ yếu bằng kỹ thuật sinh học phân tử từ các phòng thí nghiệm được chỉ định và kết luận kết quả dương tính hay âm tính mà không có QCVN hướng dẫn cụ thể mức giới hạn vi rút bao nhiêu là âm và bao nhiêu là dương (chủ yếu dựa vào việc xác định PT tại các phòng thí nghiệm). Vì vậy bổ sung hành vi “*dương tính với đối tượng kiểm dịch*” để có cơ sở xử lý các lô hàng sản phẩm động vật dương tính với vi rút gây bệnh nhưng không thuộc danh mục các bệnh truyền nhiễm phải công bố dịch.

- Bổ sung hành vi: “*Không có biện pháp hoặc không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*” tại điểm c khoản 4 Điều 22 và điểm c khoản 2 Điều 25 để đảm bảo phù hợp với quy định của điểm d khoản 1 Điều 73 Luật Thú y.

- Bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm về “*Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y*” tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 30 vì theo quy định của Nghị định 136/2025/NĐ-CP thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) hiện nay do UBND cấp tỉnh cấp.

- Bổ sung các biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tiêu hủy*” tại khoản 11 Điều 16, điểm a khoản 5 Điều 18, điểm b khoản 4 Điều 20 để tạo điều kiện cho chủ hàng thực hiện vì trong một số trường hợp chủ hàng không thể tái xuất trả lại cho bên bán nên buộc phải bán lại cho bên thứ ba ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc chủ hàng không thể đưa ra khỏi lãnh thổ hoặc không thể tái xuất nên bắt buộc phải thực hiện tiêu hủy; Bổ sung biện pháp khắc phục: “*Buộc kiểm dịch lại*

động vật, sản phẩm động vật;” tại khoản 4 Điều 19 để đảm bảo hành vi vi phạm được xử lý triệt để.

- Bổ sung các biện pháp khắc phục hậu quả: *“Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính”* tại điểm c khoản 8 Điều 8, điểm d khoản 15 Điều 9, điểm c khoản 12 Điều 22, điểm d khoản 9 Điều 23, điểm b khoản 6 Điều 30, điểm c khoản 9 Điều 31, điểm d khoản 7 Điều 34, điểm c khoản 5 Điều 37; *“Buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, Chứng chỉ hành nghề do hồ sơ khai man, giả mạo, không trung thực.”* tại điểm r khoản 3 Điều 3 để đảm bảo hành vi vi phạm được xử lý triệt để và đảm bảo tính răn đe.

- bổ sung một số cụm từ như: *“khai báo”* tại đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 14; *“và ghi nhãn theo đúng nội dung đã đăng ký”* tại khoản 2 Điều 38, *“chăn nuôi và”* tại khoản 2 Điều 49 để đảm bảo các quy định được rõ ràng, minh bạch; Bổ sung cụm từ *“máy phát điện dự phòng”* vào điểm a khoản 2 Điều 33 để đảm bảo phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- bỏ một số cụm từ như: *“Số lượng, khối lượng”* tại điểm a khoản 1 Điều 14 do trong thực tế, nhiều chủ hàng đăng ký đúng số lượng, trọng lượng nhưng trong quá trình vận chuyển, động vật bị chết hoặc giảm cân. Trong trường hợp này không thể coi là hành vi không trung thực để xử phạt; bỏ cụm từ *“trừ trường hợp chủ hàng và nước nhập khẩu không yêu cầu kiểm dịch”* tại điểm b khoản 2 Điều 14 vì khoản 4 Điều 8 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn quy định: *“Trường hợp nước nhập khẩu hoặc chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch: Chủ hàng phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này”*, do vậy động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu đều phải kiểm dịch; bỏ cụm từ *“xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ”* tại điểm b khoản 9 Điều 16 vì quốc gia, vùng lãnh thổ không thể mang mầm bệnh; bỏ cụm từ *“Kiểm dịch viên động vật”* tại khoản 2 Điều 49 vì khoản này đã quy định *“công chức, viên chức ngành chăn nuôi và thú y,”* mà Kiểm dịch viên động vật cũng là công chức ngành chăn nuôi và thú y; bỏ cụm từ *“Trưởng trạm, Phó trưởng trạm có chức năng quản lý chuyên ngành về thú y”* vì không còn Trạm Thú y cấp huyện.

- Tại mục 3 của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP gồm có 08 điều (từ điều 20 đến điều 27), tuy nhiên Nghị định gộp nội dung quy định tại các điều 20, 21, 22, 23 và 25 và thiết kế lại theo chuỗi các hành vi vi phạm từ giết mổ, sơ chế, chế biến, vận chuyển và kinh doanh động vật, sản phẩm động vật. Cụ thể: Điều 22 (Vi phạm về giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm

động vật để kinh doanh), Điều 23 (Vi phạm vệ sinh thú y trong lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật) và Điều 24 (Vi phạm vệ sinh thú y đối với chợ kinh doanh, cơ sở thu gom động vật). Như vậy tại Nghị định mục 3 giảm từ 08 điều xuống còn 04 điều.

- thay thế các cụm từ: “*Cục Thú y*” bằng cụm từ “*cơ quan có thẩm quyền*” tại điểm b khoản 2 Điều 35, “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” bằng cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” để phù hợp với tên gọi của các cơ quan hiện nay.

- sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 36 thành “*Không có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm; không có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm;*” do điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đã được sửa đổi tại Điều 25 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

- Tăng mức xử phạt: điều chỉnh tăng mức phạt tiền tại các Điều 11, 27, 28, 29, 30 và 31 để đảm bảo tương xứng với quy mô hoạt động, năng lực tài chính và mức độ tác động của hành vi vi phạm do tổ chức thực hiện, đồng thời đảm bảo tính răn đe.

b) Về nội dung bổ sung:

- bổ sung các quy định về: Nguyên tắc xử phạt, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y; Về vi phạm hành chính nhiều lần; Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y trên môi trường điện tử; Việc tẩy xóa, sửa chữa các loại giấy phép trong lĩnh vực thú y mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự để phù hợp với Luật Xử lý VPHC và các văn bản hướng dẫn luật.

- bổ sung Điều 4 (quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y); Điều 17 (về nhập khẩu sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y hết hạn sử dụng) do tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 24/2025/NĐ-CP sửa đổi tên Điều 17 và sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm b khoản 12, khoản 13 và khoản 14 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã bỏ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hàng hết hạn sử dụng với lý do thống nhất áp dụng quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021) quy định: “*Mức phạt tiền đối*

với ...; kinh doanh hàng hóa đã quá hạn sử dụng, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa được thông quan, được quy định như sau:”. Như vậy, hàng hóa nhập khẩu qua kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu phát hiện đã quá hạn sử dụng hiện nay đang không có quy định để xử lý. Vì vậy Nghị định bổ sung Điều 17 để có căn cứ xử phạt.

- bổ sung thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y; một số chức danh của lực lượng công an nhân dân.

c) Về nội dung lược bỏ:

- lược bỏ thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng công an cấp huyện và tương đương; cơ quan Thanh tra và Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

- Bãi bỏ các hành vi vi phạm về Giấy chứng nhận vệ sinh thú y để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về thú y mới sửa đổi, bổ sung.

- Bỏ hình thức xử phạt chính “*Cảnh cáo*” và hình thức xử phạt bổ sung “*Tước quyền sử dụng giấy phép*”, “*Tịch thu tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y*” trong Nghị định vì không có hành vi vi phạm áp dụng các hình thức xử phạt này; Bỏ hình thức xử phạt bổ sung “*Tịch thu các loại hồ sơ, giấy tờ, Chứng chỉ hành nghề thú y*” vì không phù hợp với quy định tại Điều 26 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, chuyển thành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại.

- Bỏ biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc tạm dừng giết mổ động vật*” trong vì không áp dụng đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thú y.

- Bỏ hành vi “*Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm mà trên nhãn bao bì ghi tên cơ sở sản xuất và mã số cơ sở sản xuất không theo danh sách doanh nghiệp của nước đủ điều kiện xuất khẩu sản phẩm động vật vào Việt Nam;*” tại điểm c khoản 2 Điều 16 vì điểm d khoản 5 Điều 16 quy định hành vi tương tự.

- Bỏ hành vi “*Người nhập cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi mang theo sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế hoặc chế biến từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh động vật nguy hiểm trên loài động vật đó*” quy định tại khoản 6a Điều 15 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP vì hành vi này trên thực tế không thể xác định.

- Bỏ hành vi “*Hành nghề không đúng địa điểm ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y*” do khoản 3 Điều 22 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 31 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y như sau: “*Chúng chỉ hành nghề thú y được sử dụng trong phạm vi toàn quốc*”.

- Bỏ các hành vi sử dụng thuốc thú y và kê đơn thuốc thú y “*không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam*”, thay bằng hành vi “*không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam*” do Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 78 Luật Thú y (bỏ Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam).

d) Về nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP) thì “*thủ tục xử lý vi phạm hành chính*” không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Do đó, Nghị định không quy định thủ tục hành chính hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định.

đ) Về nội dung phân cấp, phân quyền: Nghị định quy định hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, cũng như thẩm quyền xử phạt và lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đảm bảo phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025), Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn. Mặc dù Nghị định không trực tiếp quy định phân cấp, phân quyền nhưng vẫn đảm bảo thực hiện thẩm quyền xử phạt phù hợp với vai trò của UBND các cấp và cơ quan chuyên ngành, tăng cường trách nhiệm cho chính quyền và lực lượng chức năng tại cơ sở.

e) Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết: không có.

II. VĂN BẢN II

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi

2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.

Nghị định này thay thế Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi; bãi bỏ Điều 4 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết

3.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

b) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 2 cấp...”. Đồng thời yêu cầu: “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn”.

c) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó yêu cầu: “Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”...”.

d) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

đ) Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII (Kết luận số 121-KL/TW) đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: “Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”; “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền” và “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 (Kết luận số 126-

KL/TW), Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Kết luận số 127-KL/TW) và Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả (Kết luận số 134-KL/TW), Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã yêu cầu: “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước” và giao “Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả”.

e) Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, trong đó có nội dung: “Về hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính: bảo đảm hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đề xuất phương án xử lý phù hợp, khắc phục ngay những vướng mắc, bất cập;... bảo đảm tinh gọn về quy trình, cắt giảm mọi thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, chuẩn hóa, số hóa hồ sơ, dễ làm, dễ kiểm tra, dễ giám sát”

g) Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân “Hoàn thiện đồng bộ thể chế và triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong giai đoạn 2026- 2030.

Tập trung hoàn thiện, ban hành các Luật về Phòng bệnh, An toàn thực phẩm..., bảo đảm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống,... chất lượng thuốc, thực phẩm,...”.

h) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025. Trong đó, Điều 37a quy định các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều 37a.

i) Theo Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025, hệ thống cơ quan thanh tra được phân thành 02 cấp là Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh, thành phố (gọi chung là Thanh tra tỉnh). So với Luật Thanh tra năm 2022, hệ thống cơ quan

Thanh tra không còn Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ; Thanh tra Tổng cục, Cục; Thanh tra sở; Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

k) Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thời gian trình Chính phủ quý I năm 2026.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi, thay thế Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định 14/2021/NĐ-CP), qua đó, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y trong bối cảnh và tình hình mới hiện nay.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Sau 05 năm triển khai thi hành Nghị định 14/2021/NĐ-CP, các quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi đã tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, bảo đảm hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính, giúp cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn các hành vi vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chăn nuôi, bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho mọi thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành chăn nuôi và thú y. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thi hành Nghị định 14/2021/NĐ-CP cũng đã phát sinh một số khó khăn, tồn tại, vướng mắc, bất cập ảnh hưởng tới hiệu quả thực hiện công tác quản lý nhà nước chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế về phát triển chăn nuôi và thú y.

Mặt khác, thực tiễn quá trình triển khai công tác xử lý vi phạm hành chính cho thấy một số hành vi vi phạm trong chăn nuôi đang thiếu như: Hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chứa hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi; hành vi sử dụng nguyên liệu hết hạn sử dụng trong sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; hành vi sử dụng sai mục đích đối với trường hợp khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu; hành vi sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi chưa được công

bổ thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hành vi cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ công bố thông tin mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hành vi sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi không có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi....

Bên cạnh đó, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, chuyển giao nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và một số hệ thống cơ quan, đơn vị đã tác động trực tiếp đến các quy định về các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Việc quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP không còn phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành, ảnh hưởng đến tính kịp thời trong xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung quản lý nhà nước về chăn nuôi làm căn cứ để xây dựng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi tại Nghị định 14/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 31/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/nđ-cp ngày 21 tháng 01 năm 2020 của chính phủ hướng dẫn chi tiết luật chăn nuôi; Nghị định số 32/2026 ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi; Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi đã sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi. Do đó, cũng cần thiết phải rà soát lại các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi tại Nghị định 14/2021/NĐ-CP cho phù hợp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nội dung vừa được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi, thay thế Nghị định số 14/2021/NĐ-CP là cần thiết nhằm kịp thời khắc phục những nội dung không còn phù hợp, bổ sung những nội dung còn thiếu chưa được quy định, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành và đảm bảo thể chế hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý các hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi.

3.2. Mục đích ban hành

Quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi của các chức danh phù hợp với các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Qua đó, bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng hoạt động của lực lượng thực thi công vụ.

Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực chăn nuôi.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

- Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi.

- Các hành vi vi phạm hành chính khác về chăn nuôi không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

b) Đối tượng áp dụng:

- Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.

- Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm:

+ Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

+ Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư;

+ Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

+ Các tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật.

- Hộ gia đình, hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân.

4.2. Bố cục của Nghị định

Nghị định có 4 chương, 44 điều, được kết cấu như sau:

Chương I. Quy định chung, gồm 06 điều (từ Điều 1 đến Điều 6)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, vi phạm hành chính nhiều lần; hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử; thi hành biện pháp khắc phục hậu quả; quy định mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền trong lĩnh vực chăn nuôi.

Chương II. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, gồm 4 mục, 26 điều (từ Điều 7 đến Điều 32).

Mục 1. Vi phạm quy định về giống vật nuôi.

Mục 2. Vi phạm quy định về thức ăn chăn nuôi.

Mục 3. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi.

Mục 4. Vi phạm quy định về sản phẩm xử lý chăn nuôi, nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi, nhập khẩu vật nuôi sống làm thực phẩm

Chương III. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính, gồm 9 điều (từ Điều 33 đến Điều 41)

Chương này quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt của cơ quan có thẩm quyền và người có thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Thẩm quyền xử phạt được phân định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quản lý của từng cơ quan và yêu cầu về chuyên môn trong xử lý các hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi.

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều (từ Điều 42 đến Điều 44)

Chương này quy định về hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

4.3. Nội dung chính của Nghị định

Về cơ bản, nội dung Nghị định, được xây dựng và kế thừa trên nền tảng của Nghị định số 14/2021/NĐ-CP, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2025 và Luật Chăn nuôi (sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn Luật, cụ thể:

a) Tại Chương I Nghị định

- Về phạm vi điều chỉnh giữ nguyên như Nghị định số 14/2021/NĐ-CP.
- Điều 2 đối tượng áp dụng sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 2 như sau: “Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã” để bảo đảm phù hợp với Luật Hợp tác xã.

+ Tại khoản 3 Điều 2 sửa đổi, bổ sung như sau: “Hộ gia đình, hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân.”.

- Tại Điều 3 quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, vi phạm hành chính nhiều lần, trong đó:

+ Khoản 1 sửa đổi, bổ sung thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, theo đó quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính được áp dụng thời hiệu xử phạt là 02 năm, bảo đảm rõ ràng, thống nhất khi thi hành trên thực tế.

+ Khoản 2 bổ sung các nội dung liên quan đến hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Khoản 3 bổ sung nội dung liên quan đến việc áp dụng tình tiết tăng nặng trong trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần đối với một số hành vi vi phạm để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Tại Điều 4 Nghị định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau

+ Khoản 1 bổ sung thêm hình thức xử phạt chính là “cảnh cáo”.

+ Khoản 2 bổ sung thêm các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Sửa đổi tên Điều 4 về hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

+ Khoản 1 bổ sung thêm hình thức xử phạt chính là “cảnh cáo” để đảm bảo có đầy đủ chế tài xử lý, tránh khoảng trống pháp lý và đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Khoản 3 bổ sung đoạn mở đầu: “Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, e, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:”. Đối với biện pháp

khắc phục hậu quả đã được quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì không viện dẫn trong Nghị định, chỉ viện dẫn những biện pháp khắc phục hậu quả do Chính phủ quy định để bảo đảm tách bạch biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật XLVPHC và biện pháp khắc phục hậu quả do Chính phủ quy định. Ngoài ra khoản 3 Điều này sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

Bổ sung vào khoản 3 Điều 4 các biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc di chuyển đàn ong đảm bảo khoảng cách theo quy định” đối với trường hợp chăn nuôi ong mật nhưng không đảm bảo khoảng cách các điểm đặt ong; “Buộc cơ sở chăn nuôi tiếp tục nuôi giữ vật nuôi đã sử dụng chất cấm đến khi kiểm tra không còn tồn dư chất cấm mới được phép xuất bán hoặc giết mổ” đối với cơ sở chăn nuôi có sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; “Buộc thực hiện kê đơn thuốc theo quy định” đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích trị bệnh cho vật nuôi nhưng không có đơn của người có chứng chỉ hành nghề hoặc có đơn nhưng không đầy đủ thông tin trên đơn.

Sửa đổi các biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc nộp lại văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp để xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi” đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi; “Buộc giết mổ động vật bị bơm nước cường bức và xử lý nhiệt sản phẩm động vật; buộc tiêu hủy sản phẩm động vật đối với hành vi đưa vật thể lạ hoặc các chất khác vào cơ thể động vật” đối với trường hợp đưa vật thể lạ, bơm nước cường bức hoặc các chất khác vào cơ thể động vật trên cạn trước khi giết mổ.

+ Khoản 4 Điều 4 bổ sung nội dung quy định việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử: “Việc xử lý vi phạm hành chính về chăn nuôi trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 28a, Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 18a Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

+ Khoản 5 Điều 4 quy định rõ việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong giấy phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự để đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ Luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bổ sung Điều 5 thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó:

+ Khoản 1 Điều này quy định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả việc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người cấp. Nội dung này được hợp nhất từ Điều 45a Nghị định số 14/2021/NĐ-CP.

+ Khoản 2 Điều này quy định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm giúp cơ quan thi hành công tác xử lý vi phạm hành chính có cơ sở pháp lý để áp dụng tránh gặp khó khăn, vướng mắc trong khi thi hành công vụ.

- Khoản 1 Điều 6 sửa đổi, bổ sung như sau: “Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức”, theo đó Nghị định quy định cụ thể mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực chăn nuôi để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

b) Tại Chương II Nghị định

Mục 1. Vi phạm quy định về giống vật nuôi gồm 08 điều (Điều 7 đến Điều 14). Các nhóm hành vi quy định đảm bảo nguyên tắc kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 14/2021/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định hành vi mới phát sinh từ hoạt động quản lý và các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp để đảm bảo tính hiệu quả trong xử lý vi phạm, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm, cụ thể:

Tại Điều 7 và Điều 8 bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định” để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP. Đồng thời, thay thế cụm từ “cho phép” bằng cụm từ “chấp thuận”; thay thế cụm từ “không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép” bằng cụm từ “chưa được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận” tại khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 8 để phù hợp với quy định tại khoản 3, 5 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15.

- Tại các khoản 2 Điều 9 bổ sung các hành vi: “Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung trong văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp để xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi; nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trái với nội dung trong văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp” đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 20, 21 của Luật Chăn nuôi. Đồng thời, bổ sung thêm biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” tại Điều này để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vi phạm có thể lựa chọn biện pháp khắc phục hậu quả khác nhau, tránh gây khó khăn, vướng mắc trong công tác xử lý vi phạm hành chính.

- Bãi bỏ cụm từ “lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam” tại khoản 4 Điều 9. Đồng thời, thay thế cụm từ “không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép” bằng cụm từ “chưa được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận” để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Chăn nuôi (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15), Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi và được sửa đổi, bổ sung như sau: “Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu đực giống, tinh, phôi giống gia súc chưa được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận”.

- Thay thế cụm từ “Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP bằng cụm từ “văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp để xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi”. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung hành vi này theo hướng “tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp để xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi; nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trái với nội dung trong văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp”, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định.

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tiêu hủy” tại điểm a, điểm c khoản 5 Điều 9 để tạo điều kiện cho chủ hàng thực hiện vì trong một số trường hợp chủ hàng không thể tái xuất trả lại cho bên bán nên buộc phải bán lại cho bên thứ ba ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc chủ hàng không thể đưa ra khỏi lãnh thổ hoặc không thể tái xuất nên bắt buộc phải thực hiện tiêu hủy.

- Khoản 6 Điều 11 sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi sản xuất tinh từ đực giống chưa được kiểm tra năng suất cá thể, không đạt chất lượng theo quy định; khai thác trứng giống không phải từ đàn giống cấp bố mẹ hoặc tương đương trở lên, trừ trường hợp khai thác trong tự nhiên, theo đó bổ sung biện pháp “Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng tinh, trứng giống, trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy”.- Khoản 3 Điều 12 bổ sung cụm từ “trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy” đối với hành vi sản xuất, mua bán giống vật nuôi không đạt chất lượng.

- Khoản 5 Điều 13 bổ sung hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm, kiểm định không trung thực. Đồng thời, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm, kiểm định không

trung thực (điểm b khoản 6 Điều này 13) để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe.

- Điểm a khoản 1 Điều 14 bổ sung cụm từ “để hành nghề thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi giống vật nuôi”. Mục 2. Vi phạm quy định về thức ăn chăn nuôi, gồm 10 điều (Điều 15 đến Điều 24)

Về cơ bản các nội dung trong mục này được nghiên cứu, tiếp thu các quy định xử lý vi phạm hành chính về chăn nuôi tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP. So với quy định hiện hành, Nghị định đã sửa đổi, bổ sung bãi bỏ một số hành vi vi phạm sau:

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi phạm...” đối với hành vi sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sản xuất thức ăn chăn nuôi trong thời gian bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ sản xuất, sản xuất thức ăn chăn nuôi trong thời gian bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ sản xuất, sản xuất thức ăn chăn nuôi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (điểm c khoản 9 Điều 15) để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe.

- Bổ sung hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa dưới 2% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn dưới 2% so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng tại khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 Nghị định.

- Bãi bỏ hành vi “cập nhật thông tin không đúng sự thật đối với mỗi lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Vì, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP quy định: “Giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.” Trong đó, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa không quy định tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi được giảm kiểm tra chất lượng phải cập nhật thông tin đối với mỗi lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm...” đối với hành vi mua bán, nhập khẩu

thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để bảo đảm có đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe (điểm e khoản 7 Điều 18).

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tiêu hủy” tại điểm d khoản 7 Điều 18; khoản 7 Điều 20; điểm b khoản 4 Điều 21 và điểm d, g khoản 8 Điều 23 Nghị định, vì trong tế có một số trường hợp chủ hàng không thể tái xuất trả lại cho bên bán, nhưng cũng không thể chuyển cho bên thứ ba ngoài lãnh thổ Việt Nam, để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vi phạm có thể lựa chọn biện pháp khắc phục hậu quả khác nhau, tránh gây khó khăn, vướng mắc trong công tác xử lý vi phạm hành chính.- Sửa đổi, bổ sung hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích trị bệnh cho vật nuôi, thuốc thú y không phải kê đơn để trị bệnh cho vật nuôi không ghi đủ các thông tin theo quy định; sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích trị bệnh cho vật nuôi nhiễm bệnh không có đơn hoặc không đầy đủ thông tin trên đơn của người có chứng chỉ hành nghề phòng, trị bệnh cho động vật theo quy định của pháp luật về thú y (điểm a, c khoản 2 Điều 23).

- Bổ sung hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh, chứa hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi (khoản 6 Điều 23). Đồng thời, bổ sung hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả để đảm bảo đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe.

- Khoản 8 Điều 23 Nghị định bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm...” đối với hành vi sản xuất, mua bán nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh và thức ăn chăn nuôi có chứa hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.

- Bãi bỏ quy định đối với hành vi cập nhật thông tin không đúng sự thật đối với mỗi lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP. Vì, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP quy định: “Giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.”. Trong đó, không quy định tổ chức, cá nhân nhập khẩu TACN được giảm kiểm tra chất lượng phải cập nhật thông tin đối với mỗi lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi sử dụng mỗi loại nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi để sản xuất thức ăn chăn nuôi (khoản 3 Điều 24).

- Bãi bỏ quy định đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh, không phải là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gia súc, gia cầm hoặc thức ăn tinh cho gia súc ăn cỏ; sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh cho vật nuôi ở giai đoạn con non quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP). Vì theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, đến ngày 31/12/2025 cấm không được sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh để phòng bệnh cho vật nuôi. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung điểm a Điều 23 như sau: “Sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh cho vật nuôi”.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung một số nội dung đã được quy định tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP nhưng vẫn còn chung chung như hành vi “không thực hiện kiểm soát động vật gây hại, tạp chất, chất thải gây nhiễm bẩn, ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng thức ăn chăn nuôi”; “không thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh trang thiết bị, dụng cụ đo lường theo quy định”; “không có biện pháp bảo quản nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp”; “không thực hiện thu gom và xử lý chất thải để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm”; “không thực hiện thiết kế khu sản xuất, bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều.....” (tại các điểm b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều 14); “không thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát chất lượng” (điểm b khoản 1 Điều 15); “không thực hiện bảo quản thức ăn chăn nuôi theo hướng dẫn của tổ chức, cá nhân sản xuất, cung cấp sửa đổi, bổ sung” (điểm a khoản 1 Điều 17), sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể và chặt chẽ hơn bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý và được thể hiện tại Điều 15, Điều 16 và Điều 18 Nghị định.

Mục 3. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi, gồm 7 điều (Điều 25 đến Điều 31)

Các nhóm hành vi quy định trong Nghị định đảm bảo nguyên tắc kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 14/2021/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định hành vi mới phát sinh từ hoạt động quản lý và các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan để đảm bảo tính hiệu quả trong xử lý vi phạm, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 Nghị định theo hướng bãi bỏ cụm từ “trốn tránh, cản trở” và cụm từ “thực hiện”. Vì hành vi trốn tránh, cản trở bản

chất cũng là không chấp hành yêu cầu thực hiện thực hiện đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi.

- Tại Điều 28 bổ sung hành vi vi phạm trong hoạt động nuôi ong mật không đảm bảo khoảng cách giữa các điểm đặt ong (khoản 1); hành vi coi nói nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị định số 13/2020/NĐ-CP có hiệu lực thì hành đối với nhà yến nằm trong khu dân cư hoặc không nằm trong vùng nuôi chim yến (điểm b khoản 4) để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT và a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Đồng thời, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc di chuyển đàn ong đảm bảo khoảng cách theo quy định” đối với hành vi hoạt động nuôi ong mật nhưng không đảm bảo khoảng cách; “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu” đối với hành vi coi nói nhà yến để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe. Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung “Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy” đối với hành vi săn bắt, dẫn dụ chim yến để sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích nuôi chim yến để khai thác tổ yến hoặc nghiên cứu khoa học.

- Bãi bỏ cụm từ “để phòng bệnh cho vật nuôi ở giai đoạn con non” quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và sửa đổi như sau: “2. Hành vi không ghi nhật ký sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích trị bệnh cho vật nuôi bị xử phạt như sau:” (khoản 2 Điều 29).

- Bổ sung hành vi sử dụng nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi; sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật không có trong Danh mục được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam (khoản 4 Điều 29). Vì hiện nay có nguyên liệu không nằm trong danh mục cấm, cũng không nằm trong Danh mục được phép sử dụng như Ractopamin (là chất tạo nạc), nhưng chưa có chế tài để xử lý. Do đó, quy định đối với hành vi này để bảo đảm có đầy đủ chế tài xử lý, tránh khoảng trống pháp lý. - Sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc tiêu hủy hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi; hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật không có trong Danh mục được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam; buộc cơ sở chăn nuôi giữ vật nuôi đã sử dụng hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi; hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật không có trong Danh mục được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam đến khi kiểm tra không còn tồn dư mới được phép xuất bán hoặc giết mổ” đối với hành

vi sử dụng hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi (điểm b, điểm c khoản 6 Điều 29).

- Sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi đưa vật thể lạ, bơm nước cưỡng bức hoặc các chất khác vào cơ thể động vật trên cạn trước khi giết mổ (khoản 6 Điều 30).

- Hợp nhất hành vi vi phạm quy định về xử lý chất thải chăn nuôi trong chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại quy định tại Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP thành cùng một điều (Điều 31). Đồng thời, bãi bỏ quy định đối với hành vi xử lý khí thải từ hoạt động chăn nuôi không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải chăn nuôi để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật số 146/2025/QH15.

Mục 4. Vi phạm quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; nhập khẩu sản phẩm động vật, vật nuôi sống làm thực phẩm, gồm 4 điều (Điều 32 đến Điều 25)

- Bổ sung hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa dưới 5% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa (khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 33).

- Bổ sung hành vi vi phạm về điều kiện trong mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi hết hạn sử dụng; hành vi sử dụng sai mục đích so với giấy phép nhập khẩu mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu, nhập khẩu mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhưng không ghi hoặc ghi không đúng ngày sản xuất trên nhãn hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (Điều 32). Đồng thời, bổ sung hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với những hành vi vi phạm quy định tại Điều này để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe.- Bổ sung hành vi sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sử dụng mỗi loại hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật không có trong Danh mục được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam; sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi không có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất; thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân so với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất nhưng không làm thủ tục thay đổi thông tin; tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ công bố thông tin mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

không chấp hành yêu cầu đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi không có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (Điều 33). Đồng thời, bổ sung hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với những hành vi vi phạm quy định tại Điều này để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe.

Nghị định bổ sung quy định về hành vi vi phạm và hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm này để đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 46/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ hành vi “Không có đầy đủ thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng, bảo đảm độ chính xác theo quy định của pháp luật về đo lường” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định tại Nghị định số 32/2026/NĐ-CP; Thông tư số 09/2025/TT- BNNMT.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 34 hình thức xử phạt bổ sung “Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi” đối với hành vi khảo nghiệm không có người phụ trách kỹ thuật có trình độ phù hợp theo quy định; khảo nghiệm không có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp để khảo nghiệm. Đồng thời, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với những hành vi công bố kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi không trung thực để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe.

- Khoản 3 Điều 35 bổ sung hình thức xử phạt bổ sung “Đình chỉ hoạt động” đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi có chứa chất cấm trong chăn nuôi; nhập khẩu vật nuôi sống có sử dụng chất cấm trong chăn nuôi làm thực phẩm để bảo đảm đầy đủ chế tài xử lý, tăng tính răn đe. Đồng thời, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm” đối với hành vi nhập khẩu mỗi sản phẩm chăn nuôi, vật nuôi sống làm thực phẩm có chứa chất cấm trong chăn nuôi (khoản 4 Điều 35).

c) Tại Chương III Nghị định

Chương này gồm 9 điều (từ Điều 36 đến Điều 44) quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND các cấp; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y, cơ quan Quản lý thị trường, Công an nhân dân, Cảnh sát biển, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Hải quan.

Toàn bộ Chương III Nghị định được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025), Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và việc tổ chức chính quyền hai cấp.

Theo đó, Nghị định bãi bỏ thẩm quyền xử phạt của Cơ quan thanh tra, Chủ tịch UBND cấp huyện, Cơ quan Công an cấp huyện, nâng mức phạt tiền tối đa của một số chức danh cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025. Nghị định cũng quy định cụ thể các chức danh có thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y và một số chức danh khác, thẩm quyền của các lực lượng chức năng có liên quan. Nghị định cũng phân định rõ thẩm quyền xử phạt của các lực lượng đối với từng hành vi vi phạm cụ thể để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Nghị định bãi bỏ áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 45 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP. Vì, các nội dung này đã được quy định cụ thể, rõ ràng, chi tiết tại Luật XLVPHC, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

- Bãi bỏ Điều 45a Nghị định số 14/2021/NĐ-CP. Vì, thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung để áp dụng chung quy định Điều 5 Nghị định.

d) Tại Chương IV Nghị định

Chương này có 03 điều (Điều 45 đến Điều 47) quy định về, thời điểm có hiệu lực thi hành Nghị định, điều khoản chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành Nghị định.

Sửa đổi, bổ sung Điều 46 quy định chuyển tiếp theo hướng không quy định nguyên tắc “áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

Nghị định bãi bỏ quy định “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này” tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP.

III. VĂN BẢN III

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định 214/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật

2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2026

Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2020/NĐ-CP, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

3.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương một số vấn đề về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán”; “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”; “Xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp”.

- Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, trong đó có quy định: từ năm 2021 đến năm 2030: (1) Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới; giảm biên chế; (2) Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ

chức trong hệ thống chính trị; (3) Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; (4) Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; (5) Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

- Thể chế hóa các chủ trương, chính sách lớn của Đảng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII (Kết luận số 121-KL/TW) đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: “Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”; “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền” và “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 (Kết luận số 126-KL/TW), Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Kết luận số 127-KL/TW), Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả (Kết luận số 134-KL/TW), Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã yêu cầu: “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước” và giao “Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả”, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định rõ “cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 02 cấp...”. Đồng thời yêu cầu: “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, quán triệt quan điểm chỉ đạo: “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp”, “tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, an toàn”. Nghị quyết cũng đưa ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp: “Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm”.

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm: “Chủ động phòng ngừa và kiểm soát chặt chẽ các nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe tạo môi trường sống khỏe mạnh...”

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025, tại Điều 37a quy định các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều 37a.

Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình, theo đó Điều 68 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Theo Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025, hệ thống cơ quan thanh tra được phân thành 02 cấp là Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh, thành phố (gọi chung là Thanh tra tỉnh). So với Luật Thanh tra năm 2022, hệ thống cơ quan thanh tra không còn Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ; Thanh tra Tổng cục, Cục; Thanh tra sở; Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

- Ngày 07/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 74/NQ-CP ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Theo Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao xây dựng 02 nghị định: (1) Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định 31/2016/NĐ-CP); (2) Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt (sau đây gọi là Nghị định 31/2023/NĐ-CP). Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng 01 nghị định thay vì xây dựng 02 nghị

định riêng với các lý do như sau: (i) lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật có mối quan hệ hữu cơ, gắn kết chặt chẽ với nhau; (ii) Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quy định trong cơ cấu tổ chức của Bộ có Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (trên cơ sở hợp nhất Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật); (iii) tại địa phương đơn vị đầu mối tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt và bảo vệ thực vật đã được hợp nhất trong nhiều năm qua. Do vậy, việc xây dựng 01 Nghị định trong đó quy định các hành vi vi phạm hành chính trong cả lĩnh vực trồng trọt, lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật sẽ tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, áp dụng quy định pháp luật. Ngoài ra, việc xây dựng 01 Nghị định cũng phù hợp với chủ trương hạn chế việc ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật thay thế Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP qua đó, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục, không bị gián đoạn, không ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Luật Xử lý vi phạm hành chính là văn bản quy phạm pháp luật quy định tập trung, thống nhất những nguyên tắc cơ bản, định hình khung pháp lý cho việc xây dựng và thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động quản lý nhà nước và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2025.

Do đó, các quy định tại Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP đã bộc lộ những hạn chế, không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra, cụ thể:

Thứ nhất, việc thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, trong đó có việc tổ chức lại chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp, hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn,... đã tác động trực tiếp đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung, hợp nhất quy định pháp luật tại 02 Nghị định nêu

trên để bảo đảm phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy mới và tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, khả thi cho việc thực thi nhiệm vụ.

Thứ hai, quy định pháp luật về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã có nhiều sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ như Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, Thẻ hành nghề xử lý vật thể kiểm dịch thực vật,... Do đó, cần thiết rà soát, bãi bỏ các hành vi vi phạm có liên quan.

Thứ ba, thiếu chế tài xử phạt đối với một số hành vi vi phạm phát sinh từ các quy định mới về quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; một số hành vi vi phạm đã được quy định áp dụng chung tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm; một số hành vi quy định chưa rõ ràng dẫn đến khó khăn trong việc xác định hành vi vi phạm để xử phạt.

Thứ tư, Nghị định số 31/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung hai lần tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP. Đồng thời, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được thống nhất đầu mối quản lý nhà nước tại Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật thay thế Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP là cần thiết. Việc ban hành Nghị định mới nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện; tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho công tác xử lý vi phạm hành chính trên thực tế; qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu cải cách trong giai đoạn mới.

3.2. Mục đích ban hành

a) Quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật của các chức danh phù hợp với các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Qua đó, bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn.

b) Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng hoạt động của lực lượng thực thi công vụ.

c) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan để xử phạt.

b) Đối tượng áp dụng:

- Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

4.2. Bộ cục

Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật gồm 06 Chương 54 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I (gồm 08 Điều, từ Điều 1 đến Điều 8): Quy định chung.

- Chương II (gồm 13 Điều, từ Điều 9 đến Điều 21): Hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực trồng trọt (trừ phân bón).

- Chương III (gồm 08 Điều, từ Điều 22 đến Điều 29): Hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phân bón.

- Chương IV (gồm 12 Điều, từ Điều 30 đến Điều 41): Hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Chương V (gồm 10 Điều, từ Điều 42 đến Điều 51): Thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Chương VI (gồm 03 Điều, từ Điều 52 đến Điều 54): Điều khoản thi hành.

4.3. Những nội dung cơ bản của Nghị định

a) Quy định chung (Chương I):

Nghị định quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, bảo đảm thống nhất với Luật Xử lý

vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025, cũng như phù hợp với Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (Chương II, III và IV):

Các hành vi quy định trong Nghị định đảm bảo nguyên tắc kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định hành vi mới phát sinh từ hoạt động quản lý và các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp để đảm bảo tính hiệu quả trong xử lý vi phạm, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm, cụ thể:

- Nghị định bãi bỏ hành vi vi phạm:

+ Bỏ hành vi “Buôn bán giống cây trồng nhưng không thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi buôn bán giống cây trồng những thông tin về địa chỉ giao dịch, tên tổ chức, cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp, điện thoại liên hệ” tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP; hành vi “Sản xuất giống cây trồng thuộc/không thuộc loài cây trồng chính nhằm mục đích buôn bán nhưng chưa được ủy quyền của tổ chức, cá nhân có giống cây trồng đã tự công bố lưu hành hoặc đã có Quyết định công nhận lưu hành hoặc Quyết định công nhận giống cây trồng mới” tại khoản 1 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP; hành vi “Vi phạm về bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước” tại Điều 20 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP; hành vi “Không có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025 mà không có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón do mình sản xuất ra (trừ các cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón)” tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP và các hành vi vi phạm về Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón tại Điều 22 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về trồng trọt mới sửa đổi, bổ sung.

+ Bỏ hành vi “cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật” tại điểm i khoản 1 Điều 30 Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và các hành vi liên quan đến “Thẻ hành nghề xử lý vật thể kiểm dịch thực vật” tại Nghị định số 31/2016/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mới sửa đổi, bổ sung.

+ Bỏ các hành vi vi phạm về buôn bán giống cây trồng hết hạn sử dụng; xuất khẩu giống cây trồng thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất

khẩu; thử nghiệm chất lượng phân bón; sản xuất thuốc có nội dung nhãn không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam do các hành vi vi phạm này đã được quy định chung tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung:

+ Sửa đổi, bổ sung hành vi “không thực hiện thử nghiệm đánh giá chất lượng tại phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định của từng lô phân bón thành phẩm trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường” để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về trồng trọt mới sửa đổi, bổ sung.

+ Sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm “Đưa đất vào Việt Nam trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định số 31/2016/NĐ-CP thành “Đưa đất vào Việt Nam trừ trường hợp nhập khẩu cây mang theo bầu đất theo quy định của Chính phủ và nhập khẩu đất phục vụ nghiên cứu khoa học” để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mới sửa đổi, bổ sung.

+ Sửa đổi, bổ sung mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với một số hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với mức độ, tính chất, phạm vi, hậu quả thiệt hại của hành vi vi phạm, mức thu nhập kinh tế hiện nay và thống nhất với các hành vi tương tự tại Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

+ Bổ sung thêm từ “mỗi” hoặc “mỗi loại” hoặc “mỗi loại sản phẩm” tại các hành vi vi phạm quy định tại Điều 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 32, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41 Nghị định để cơ quan có thẩm quyền xác định rõ ràng từng hành vi vi phạm và áp dụng mức xử phạt theo nguyên tắc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Bổ sung các hành vi vi phạm về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về trồng trọt mới sửa đổi, bổ sung.

+ Bổ sung các hành vi vi phạm liên quan đến nhập khẩu cây mang theo bầu đất vào Việt Nam để đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mới sửa đổi, bổ sung.

+ Bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử để bảo đảm tăng cường ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Chương V):

Toàn bộ Chương V Nghị định được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và việc tổ chức chính quyền hai cấp. Theo đó, bỏ thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện, nâng mức xử phạt của chủ tịch UBND cấp xã. Nghị định cũng quy định cụ thể các chức danh có thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật và một số chức danh khác, thẩm quyền của các lực lượng chức năng có liên quan. Nghị định cũng phân định rõ thẩm quyền xử phạt của các lực lượng đối với từng hành vi vi phạm cụ thể để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

d) Điều khoản thi hành (Chương VI)

- Chương VI quy định cụ thể thời điểm có hiệu lực thi hành của nghị định, việc chấm dứt hiệu lực của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP và Nghị định số 31/2023/NĐ-CP.

- Quy định điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thi hành Nghị định.

IV. VĂN BẢN IV

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định số 219/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 08 năm 2026.

Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết

3.1.1 Cơ sở chính trị

- Ngày 25/9/2021, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó tại khoản 3 của Chỉ thị nêu rõ “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về khí tượng thủy văn, bảo đảm điều chỉnh toàn diện các đối tượng, phạm vi, loại hình hoạt động có liên quan”.

- Ngày 09/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó đặt ra nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

- Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, theo đó Nghị quyết yêu cầu: “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực”.

- Ngày 28/02/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó xác định mục tiêu, yêu cầu “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”, trong đó, giao nhiệm vụ “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”.

- Ngày 28/3/2025, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 134-KL/TW về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Bộ Chính trị đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 2 cấp ở Trung ương và địa phương, trong đó “tiếp tục duy

trì tổ chức và hoạt động đối với Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam” và “các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và chức năng khác theo quy định của pháp luật”. Theo chủ trương này của Đảng, dẫn đến quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc cơ quan thanh tra chuyên ngành không còn phù hợp.

- Ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 60-NQ-TW quyết nghị “đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc, tỉnh, thành phố) kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”. Thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện, dẫn đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc đơn vị hành chính cấp huyện không còn.

- Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đặt ra nhiệm vụ “đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển” (Mục 2 Phần III của Nghị quyết).

- Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh “Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân”; “...hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định...”; “Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.” (Mục 2 Phần III của Nghị quyết).

3.1.2 Cơ sở pháp lý

- Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (Luật số 146/2025/QH15), trong đó có Luật Khí tượng thủy văn. Chính phủ đã ban hành

Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 21/2025/TT-BNNMT quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực khí tượng thủy văn. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về khí tượng thủy văn vẫn đang được các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để đề xuất hoàn thiện.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, trong đó quy định về tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của thanh tra. Đồng thời, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 quy định đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Tiếp sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Ngày 06/8/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1688/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính, giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng 14 nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính, trong đó có quy định việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn trình Chính phủ ban hành trong tháng 3/2026.

3.1.3. Cơ sở thực tiễn

Qua kiểm tra thực tế và căn cứ các báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các quy định về pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn đã quy định cơ bản đầy đủ các lỗi vi phạm có khả năng xảy ra trong thực tế. Thực tiễn cho thấy hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn chủ yếu xảy ra đối với các nhóm hành vi:

- Vi phạm quy định về quan trắc khí tượng thủy văn nhất là đối với chủ các công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 48/2020/NĐ-CP;

- Vi phạm về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, nhất là việc vi phạm hành lang công trình khí tượng thủy văn quốc gia do tác động của phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa;

- Vi phạm về khai thác thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với chủ dự án, đơn vị tư vấn tính toán, đơn vị thẩm định, thẩm tra nguồn gốc thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn sử dụng trong dự án.

Nghị định số 155/2024/NĐ-CP được ban hành ngày 10/12/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/2/2025, thời gian thi hành Nghị định chưa đủ dài. Tuy nhiên khó khăn vướng mắc phát sinh dẫn đến việc phải thay thế Nghị định này vì thay đổi các quy định của pháp luật, cụ thể là:

(1) Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã bổ sung thẩm quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thẩm quyền của Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thành lập; bãi bỏ thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; tăng thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, bỏ quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; tên các chức danh có thẩm quyền xử phạt, tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đã thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Đặc biệt, đối với lĩnh vực khí tượng thủy văn, tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP đã bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cục trưởng Cục Khí tượng thủy văn và tại khoản 4 Điều 6 quy định thẩm quyền của trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập.

(2) Công tác xử lý vi phạm hành chính ở một số địa phương sẽ chỉ còn thực hiện theo chính quyền địa phương 02 cấp, không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện;

(3) Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026), trong đó có nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Khí tượng thủy văn và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đang trình Chính phủ ký ban hành làm thay dẫn đến một số hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 155/2024/NĐ-CP không còn phù hợp;

(4) Một số hành vi qua rà soát, đánh giá có sự trùng lặp hoặc có những quy định chưa xử lý triệt để được hành vi vi phạm cần bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả hoặc hình thức xử phạt bổ sung do đó cần sửa đổi, bổ sung để tăng hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

(5) Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 190/2025/NĐ-CP theo đó có bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử, do đó cần phải bổ sung quy định để đảm bảo sự phù hợp với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và yêu cầu của thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 155/2024/NĐ-CP là nhiệm vụ chính trị, phải triển khai thực hiện để kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo không làm gián đoạn hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước, không ảnh hưởng tới hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

3.2. Mục đích ban hành

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khí tượng thủy văn; bảo đảm phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Khí tượng thủy văn và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện Nghị định số 155/2024/NĐ-CP để áp dụng, phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

- Kịp thời hoàn thiện cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động xử lý vi phạm hành chính của các chức danh, bảo đảm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống pháp luật khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tránh khoảng trống pháp lý.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và các lực lượng thực thi pháp luật.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành

chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

1.2 Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

4.2. Bộ cục Nghị định

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, các quy định các hành vi vi phạm hành chính được xây dựng trên cơ sở tính tương thích, phù hợp, thống nhất và đồng bộ với pháp luật chuyên ngành như sau:

(1) Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn được quy định căn cứ vào các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn;

(2) Rà soát, đánh giá các hành vi đang được quy định tại Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn để xác định hành vi còn phù hợp, hành vi cần điều chỉnh, hành vi cần bãi bỏ;

(3) Căn cứ vào Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026), trong đó có nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Khí tượng thủy văn và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đang trình Chính phủ ký ban hành.

Từ những căn cứ ở trên, Nghị định được bố cục gồm **04 chương, 30 Điều**, cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung: 05 điều (từ Điều 1 đến Điều 5);
- Chương II. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khí tượng thủy văn: 11 điều (từ Điều 6 đến Điều 16);
- Chương III. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn: 10 điều (từ Điều 17 đến Điều 26);

- Chương IV. Điều khoản thi hành: 04 điều (từ Điều 27 đến Điều 30)

4.3. Nội dung cơ bản của Nghị định

4.3.1 Chương I. Những quy định chung

- **Điều 1:** Kế thừa các quy định tại Điều 1 của Nghị định số 155/2024/NĐ-CP, điều chỉnh, bổ sung các khoản để đảm bảo phù hợp, thống nhất. Cụ thể, các nội dung điều chỉnh như sau:

+ Khoản 1: Điều chỉnh lại phạm vi điều chỉnh của Nghị định để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

+ Khoản 2: Bổ sung nhóm hành vi vi phạm (Vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn), liệt kê đầy đủ các nhóm hành vi vi phạm để đảm bảo tính thống nhất về phạm vi điều chỉnh;

+ Khoản 4: Bổ sung, làm rõ quy định đối với trường hợp vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn;

+ Bổ sung khoản 7 (chuyển từ khoản 7 Điều 12 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP) để thống nhất về phạm vi điều chỉnh chỉ quy định chung tại Điều 1 mà không quy định tại điều về hành vi vi phạm;

- **Điều 2:** Kế thừa lại toàn bộ quy định của Nghị định số 155/2024/NĐ-CP;

- **Điều 3:** Kế thừa lại toàn bộ quy định của Nghị định số 155/2024/NĐ-CP;

- **Điều 4:** Kế thừa các quy định còn phù hợp, sửa đổi bổ sung một số nội dung như sau:

+ Sửa đổi để làm rõ các biện pháp khắc phục hậu quả đã được quy định tại Nghị định số 155/2024/NĐ-CP;

+ Sửa đổi cách tính số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính để xử lý triệt để hành vi vi phạm và tính thống nhất trong quy định.

- Bổ sung quy định đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần;

- Bổ sung việc khắc phục hậu quả đối với trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật để đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

4.3.2 Chương II. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

Kế thừa một số quy định về Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khí tượng thủy văn được quy định tại Nghị định số 155/2024/NĐ-CP. Đồng thời căn cứ

vào Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026), trong đó, có nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Khí tượng thủy văn và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đang trình Chính phủ ban hành, tiến hành sửa đổi, bổ sung một số quy định như sau:

- Điều 6:

+ Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép từ việc *“nộp giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính”* thành *“nộp giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó”* để đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

+ Bãi bỏ hành vi: *“Không tuân thủ quy trình đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp giấy phép”* để đảm bảo phù hợp với Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đang trình Chính phủ ban hành;

+ Bãi bỏ hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu tang vật, phương tiện đối với hành vi “sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép” để đảm bảo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và đảm bảo khả thi trên thực tế.

- Điều 7:

+ Bãi bỏ hành vi “Cố ý vi phạm quy định, quy định kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn trong hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 vì qua rà soát, đánh giá Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy hành vi này trùng lặp với khoản 2 của Điều 7;

+ Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định cung cấp sai lệch bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

- Điều 8:

+ Bổ cụm từ *“thiên tai”* được quy định tại Điều 8 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với tên điều và bao quát được các loại bản tin (bản tin dự báo, cảnh báo trong điều kiện bình thường và bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn);

+ Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm truyền, phát không đầy đủ nội dung bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

- Điều 9:

+ Bỏ cụm từ “có ý” đang được quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP để đảm bảo tính chặt chẽ của quy định;

+ Bổ sung cụm từ “đối với các công trình phải thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn” của hành vi không tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

- Điều 10: Giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 155/2021/NĐ-CP.

- Điều 11: Giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 155/2021/NĐ-CP.

- Điều 12: Chuyển khoản 7 điều này (liên quan đến phạm vi điều chỉnh) lên Điều 1 để đảm bảo tính thống nhất các quy định trong .

- Điều 13: Bỏ cụm từ “*trong tư vấn, thiết kế, đầu tư xây dựng công trình, dự án*” quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP để đảm bảo bao quát, thực tiễn cho thấy việc sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn không chỉ trong tư vấn, thiết kế, đầu tư xây dựng công trình, dự án mà còn trong nhiều lĩnh vực khác.

- Điều 14: Bãi bỏ 02 hành vi để đảm bảo phù hợp với Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đang trình Chính phủ ban hành gồm: (1) hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu không đúng thời gian được ghi trong văn bản nhất trí và (2) hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu không đúng hình thức được ghi trong văn bản nhất trí.

- Điều 15: Điều chỉnh, làm rõ 01 hành vi được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP “*không thông báo công khai cho cộng đồng dân cư trong khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp biết trước khi tiến hành tác động vào thời tiết*”. Quy định này được đồng bộ với quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Khí tượng thủy văn.

- Điều 16: Bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn. Theo đó các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn được xem xét, xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.3.3 Chương III. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

- **Điều 17.** Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: bãi bỏ thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; thay đổi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP;

- **Điều 18.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Công an nhân dân: Bổ sung thẩm quyền, tên gọi các chức danh của lực lượng đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP;

- **Điều 19.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng: Bổ sung thẩm quyền, tên gọi các chức danh của lực lượng đảm bảo theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP;

- **Điều 20.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển: Bổ sung thẩm quyền, tên gọi các chức danh của lực lượng đảm bảo theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP;

- **Điều 21.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy: Căn cứ vào Điều 17 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền đối với chức danh này.

- **Điều 22.** Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng thành lập: Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, quy định thẩm quyền đối với các chức danh gồm Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng thành lập.

- **Điều 23.** Thẩm quyền của Giám đốc sở và Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn thành lập: Căn cứ Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, quy định thẩm quyền đối với các chức danh gồm Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Xây dựng và Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn thành lập;

- **Điều 24.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra: Căn cứ Điều 7 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, Nghị định quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn đối với lực lượng thanh tra;

- **Điều 25.** Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính: Quy định chi tiết các điều về lực lượng có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, trong đó bổ sung thẩm quyền lập biên bản của các lực lượng theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2025;

- **Điều 26.** Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: phân định rõ thẩm quyền của các lực lượng được xử phạt để đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

4.3.4 Chương IV. Điều khoản thi hành

- Bổ sung điều quy định về Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử, theo đó, căn cứ vào Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP để làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử;

- Quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định, các quy định chuyên tiếp và trách nhiệm thi hành.

V. VĂN BẢN V

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị quyết số 228/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết ban hành văn bản

3.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Về cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Theo đó, cơ cấu, tổ chức của các cơ quan, đơn vị có sự thay đổi lớn dẫn đến tên gọi của các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt thay đổi.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó, đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán”; “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”;...

- Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nhiệm vụ, giải pháp “Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về

đo đạc và bản đồ theo hướng kiến tạo thể chế để phát triển bền vững, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với trình độ khoa học công nghệ đo đạc và bản đồ, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư xây dựng hạ tầng đo đạc, phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực để phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam”;

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra chủ trương: “Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan”.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”. Thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện dẫn đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc đơn vị hành chính cấp huyện không còn.

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong đó đồng ý chủ trương “Kết thúc hoạt động của Thanh tra huyện và Thanh tra sở, tổ chức lại thành các tổ chức thuộc Thanh tra tỉnh” dẫn đến quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc cơ quan thanh tra tại địa phương không còn phù hợp; đồng thời tại Kết luận này đã giao nhiệm vụ “Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030 “Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp

xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn” và đặt ra nhiệm vụ “đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, quán triệt quan điểm chỉ đạo “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp”, “tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, an toàn”. Theo đó, cần rà soát sửa đổi, bổ sung các hành vi VPHC nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng đo đạc, hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Theo đó, việc rà soát sửa đổi các hành vi vi phạm, thẩm quyền xử phạt, mức xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ rõ ràng, không chồng chéo sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính, thuận lợi cho việc theo dõi thi hành pháp luật, phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, xử phạt vi phạm hành chính trong môi trường điện tử.

- Kết luận số 202-KL/TW ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp yêu cầu “Khẩn trương rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật của ngành, lĩnh vực để ban hành, sửa đổi, bổ sung ngay, bảo đảm tính khả thi trong phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, khắc phục tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp”.

b) Về cơ sở pháp lý

- Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến sự thay đổi về thẩm quyền phạt vi phạm hành chính, cụ thể: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, khoản 1 và khoản 2 Điều 68 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 181/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ dẫn đến sự thay đổi các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đo đạc và bản đồ.

- Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý VPHC. Theo đó giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11/02/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Đánh giá kết quả sau 05 năm triển khai thi hành Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 cho thấy Nghị định đã phát huy, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, làm cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc để xử lý nghiêm những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ. Các cơ quan, tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ đã nâng cao được ý thức chấp hành các quy định pháp luật từ đó thúc đẩy nâng cao về năng lực kỹ thuật, công nghệ, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh lành mạnh trong kinh doanh hoạt động đo đạc và bản đồ.

Bên cạnh kết quả đạt được, qua thực tiễn nhận thấy cần xem xét sửa đổi, bổ sung một số hành vi chưa được quy định trong Nghị định hoặc chưa chi tiết, cụ thể làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ như: (i) sửa đổi, bổ sung hành vi không thực hiện hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo theo pháp luật về đo lường mà trong Nghị định hiện hành chỉ mới quy định hành vi không thực hiện kiểm định phương tiện đo. (ii) Bổ sung hành vi không tuân thủ đầy đủ quy trình, giải pháp kỹ thuật công nghệ được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt khi thực hiện đề án, dự án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ nhằm đảm bảo việc thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ tuân thủ các quy định để ngăn ngừa các rủi ro, phát hiện, loại bỏ các sản phẩm đo đạc và bản đồ không bảo đảm chất lượng, không đủ điều kiện lưu hành, sử dụng; nâng cao chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Như vậy, với cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định là cần thiết, kịp thời khắc phục các nội dung không phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

3.2. Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị định nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của các cơ quan đơn vị và các chức danh có thẩm quyền xử phạt; rà soát, sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm để phù hợp với thực tiễn và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đảm bảo tính khả thi trong thi hành Nghị định.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ theo quy định tại Nghị định này.

4.2. Bộ cục của Nghị định

Nghị định gồm 19 Điều, bao gồm:

- Điều 1. Bổ sung một số điểm tại khoản 2, khoản 3 Điều 3.
- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 4a.
- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5.
- Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7.
- Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8.
- Điều 6. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 tại Điều 13.
- Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Điều 14.
- Điều 8. Bổ sung Điều 14a.
- Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16.
- Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17.
- Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 18.
- Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19.
- Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 20.
- Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 21.
- Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 23.
- Điều 16. Bổ sung Điều 23a.
- Điều 17. Thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản.

- Điều 18. Điều khoản thi hành.
- Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp.

4.3. Nội dung cơ bản của Nghị định

a) Sửa đổi, bổ sung một số hành vi chưa được quy định trong Nghị định hoặc chưa chi tiết, cụ thể làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm đo đặc và bản đồ như:

- Sửa đổi, bổ sung hành vi không thực hiện hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo theo pháp luật về đo lường và pháp luật về đo đặc và bản đồ mà trong Nghị định hiện hành chỉ mới quy định hành vi không thực hiện kiểm định phương tiện đo.

- Bổ sung hành vi không tuân thủ đầy đủ quy trình, giải pháp kỹ thuật công nghệ được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt khi thực hiện đề án, dự án nhiệm vụ đo đặc và bản đồ nhằm đảm bảo sản phẩm đo đặc và bản đồ đạt chất lượng theo đúng quy định về chất lượng sản phẩm.

b) Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền xử phạt của một số chức danh

- Sửa đổi thẩm quyền xử phạt của một số chức danh, mức xử phạt để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình (các chức danh của lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa ...).

- Bổ sung thẩm quyền xử phạt của một số chức danh như: Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước về đo đặc và bản đồ của bộ, cơ quan ngang bộ và trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập; thẩm quyền xử phạt của Giám đốc sở và Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thành lập để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

c) Sửa đổi thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để bảo đảm phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

d) Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung “Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động đo đặc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đặc và bản đồ từ 03 đến 09

tháng”, biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật” và biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc hủy bỏ dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ sau khi chủ đầu tư kiểm tra, đánh giá, kết luận dữ liệu, sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ” tại Nghị định.

đ) Nội dung lược bỏ

- Bỏ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 10 Điều 4 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện để bảo đảm phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Bỏ Điều 15 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 4 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành và cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường để bảo đảm phù hợp với Luật Thanh tra, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Bỏ Điều 22 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 4 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành và cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, xây dựng, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn để bảo đảm phù hợp với Luật Thanh tra, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Bỏ hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính” đối với hành vi “tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ” (điểm a khoản 1 Điều 5) và “tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ” (điểm b khoản 3 Điều 5) do đã quy định biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề”.

- Bỏ cụm từ “giấy phép” tại điểm b khoản 2 Điều 5 và bỏ cụm từ “chứng chỉ hành nghề” tại khoản 4 Điều 5 để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong nội dung của Nghị định.

e) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Nghị định không quy định nội dung về thủ tục hành chính.

g) Nội dung phân quyền, phân cấp: Nghị định không quy định việc phân cấp. Việc phân cấp đối với các chức danh có thẩm quyền xử phạt đã được quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

h) Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết: Không có.

VI. VĂN BẢN VI

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị quyết số 28/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cơ chế đặc thù cho phép khai thác vượt không quá 15% công suất đối với các giấy phép khai thác khoáng sản than đang còn hiệu lực nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

2. Hiệu lực thi hành

2.1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

2.2. Sau thời hạn quy định tại khoản 2.1 Điều này, việc khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết ban hành văn bản

3.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và Nghị định số 21/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo quy định hiện hành, công suất khai thác khoáng sản là nội dung của giấy phép khai thác; việc điều chỉnh tăng công suất phải thực hiện điều chỉnh giấy phép với các yêu cầu về đầu tư, môi trường, thiết kế mỏ và trình tự thủ tục tại Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và Nghị định số 21/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt tại khu vực Trung Đông, tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu. Trong nước, nhu cầu điện năng tăng cao, trong khi nguồn nhiên liệu nhập khẩu đối mặt nhiều rủi ro về giá cả, logistics và khả năng cung ứng. Trong bối cảnh đó, than trong nước tiếp tục giữ vai trò là nguồn năng lượng nền tảng; năng lực khai thác thực tế của các mỏ còn dư địa để tăng sản lượng; tuy nhiên, thủ tục điều chỉnh công suất theo quy định hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu huy động nhanh nguồn lực.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2025/VPCP-CN ngày 09/3/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu đề xuất cơ chế đặc thù nhằm kịp thời nâng công suất khai thác than phục vụ an ninh năng lượng quốc gia.

Về đề xuất của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV): Ngày 11 tháng 3 năm 2026, TKV có Công văn số 1441/TKV-TN đề nghị cho phép tăng sản lượng khai thác vượt không quá 15% công suất ghi trong các giấy phép khai thác khoáng sản. Tiếp đó, ngày 17 tháng 3 năm 2026, TKV có Công văn số 1646/TKV-TN đề nghị áp dụng cơ chế này đối với 04 dự án, gồm:

(1) Dự án khai thác hầm lò dưới mức -35 khu Lộ Trí theo Giấy phép số 365/GP-BTNMT ngày 31 tháng 01 năm 2018;

(2) Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương theo Giấy phép số 2760/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Quyết định điều chỉnh số 4716/GP-BNNMT ngày 10 tháng 11 năm 2025;

(3) Dự án khai thác phần lò giếng mỏ than Khe Tam theo Giấy phép số 2500/GP-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2008 và Quyết định điều chỉnh số 4666/GP-BNNMT ngày 06 tháng 11 năm 2025;

(4) Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm theo Giấy phép số 2497/GP-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2008 và Quyết định điều chỉnh số 2394/GP-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Để đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh cũng như chủ động trong việc đảm bảo an ninh năng lượng phục vụ phát triển kinh tế trong tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt tại khu vực Trung Đông; các tuyến vận chuyển năng lượng chiến lược, trong đó có eo biển Hormuz tiếp tục bị tắc nghẽn, tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung năng lượng toàn cầu, trong đó có Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Nghị quyết điều chỉnh với các giấy phép khai thác khoáng sản than đang còn hiệu lực trên cả nước nếu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đủ điều kiện áp dụng mà không chỉ riêng 04 dự án như TKV đề nghị.

3.2. Mục đích ban hành

Cho phép tăng công suất khai thác than trong phạm vi kiểm soát, đáp ứng kịp thời nhu cầu năng lượng, đồng thời không làm thay đổi nguyên tắc quản lý tài nguyên khoáng sản.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng: Nghị quyết được xây dựng theo hướng áp dụng đối với các giấy phép khai thác khoáng sản than đang còn hiệu lực trên phạm vi cả nước, bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

4.2. Nội dung cơ chế đặc thù: Nghị quyết quy định cho phép tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản than đang còn hiệu lực được khai

thác vượt không quá 15% công suất ghi trong giấy phép mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép, đồng thời thực hiện theo cơ chế đăng ký và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Điều kiện áp dụng: Nghị quyết quy định tổ chức, cá nhân chỉ được áp dụng cơ chế đặc thù khi bảo đảm không vượt trữ lượng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp phép; công nghệ khai thác; không làm gia tăng đáng kể tác động tiêu cực đến môi trường; có đủ năng lực kỹ thuật để đáp ứng công suất khai thác tăng thêm và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

4.4. Cơ chế kiểm soát: Nghị quyết quy định tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký trước khi khai thác vượt công suất; cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyền không chấp thuận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký; đồng thời thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát sản lượng khai thác, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4.5. Thời hạn áp dụng: Áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực nhằm xử lý tình huống cấp bách, sau đó thực hiện theo quy định chung.

Trên đây là nội dung thông tin phục vụ xây dựng Thông cáo báo chí tháng 6 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trân trọng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Võ Văn Hung (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ PC;
- Công TTĐT Bộ NNMT;
- Lưu: VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Hoàng Trường Sơn